

BÁO CÁO TUẦN 20

19/05/2025 – 23/05/2025

Về chu kỳ thanh toán trên TTCK và nâng hạng TTCK

MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Về chu kỳ thanh toán trên TTCK và nâng hạng TTCK*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index vượt qua ngưỡng tâm lý 1,300 điểm, áp lực điều chỉnh trong phiên cuối tuần*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Du lịch và giải trí +21.59%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	16/05/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5958.38	0.7%	5.3%	12.9%	12.5%
EU (EURO STOXX 50)	5427.53	0.3%	2.2%	9.3%	7.0%
Trung Quốc (SHCOMP)	3367.462	-0.4%	0.8%	2.8%	7.8%
Nhật Bản (NIKKEI)	37753.72	0.0%	0.7%	11.3%	-3.0%
Hàn Quốc (KOSPI)	2626.87	0.2%	1.9%	7.3%	-4.6%
Singapore (STI)	3897.87	0.2%	0.6%	6.4%	17.9%
Thái Lan (SET)	1195.77	0.1%	-1.3%	5.0%	-13.2%
Phillipines (PCOMP)	6465.53	0.0%	0.1%	5.4%	-2.5%
Malaysia (KLCI)	1571.75	-0.1%	1.6%	6.4%	-2.4%
Indonesia (JCI)	7106.526	0.9%	4.0%	11.0%	-1.9%
Việt Nam (VNI)	1301.39	-0.9%	2.7%	7.5%	2.6%
Việt Nam (HNX)	218.69	-0.3%	2.1%	4.4%	-8.9%
Việt Nam (UPCOM)	95.5	0.0%	2.2%	5.7%	3.0%

Nguồn: Bloomberg

TTCK THẾ GIỚI

Thông tin tích cực thuế quan giúp các chỉ số CK Hoa Kỳ tiến gần về vùng đỉnh trong năm

Chỉ số S&P500 tăng 4 phiên liên tiếp và chỉ cách đỉnh mọi thời đại 3% nhờ kỳ vọng đàm phán Hoa Kỳ - Trung Quốc ngăn đà suy giảm kinh tế ngắn hạn và lạm phát gia tăng. Kỳ vọng này cũng tác động lên thị trường hàng hóa, tiền tệ trong tuần qua.

- Các chỉ số CK Hoa Kỳ tăng trung bình 4.8% trong 5 phiên giao dịch tính đến 15/5, EU600 +2.3%, Nikkei 225 +0.9%; CSI 300 +1.1%.

- Chỉ số hàng hóa +1.4%, trong đó năng lượng (dầu +1.3%), kim loại (quặng sắt +4.2%, thiếc +4.0%), nông sản (Coca +15.8%, gạo +4.1%) ở chiều ngược lại kim loại quý giảm (vàng -3.5%, bạc -1.3%).

- Chỉ số DXY tăng 0.4%, ghi nhận mức tăng tuần thứ 2, cùng lợi tức TP Hoa Kỳ 10y tăng nhẹ lên mức 4.41%.

CPI tháng 4 Hoa Kỳ tăng 0.2% mom và 2.3% yoy, thấp hơn 0.1% tháng trước và dự báo. Giá nhà ở tăng 0.3% tháng 4, chiếm 1/2 mức tăng CPI. Lạm phát tiếp tục giảm và nguy cơ tăng lại cũng thu hẹp khi cuộc chiến thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc hạ nhiệt vào 12/5 sau 2 ngày đàm phán tại Thụy Sĩ. Hoa Kỳ sẽ giảm thuế hàng hóa xuống 30% từ 145% và Trung Quốc giảm thuế hàng hóa Hoa Kỳ xuống 10% từ mức 125% trong 90 ngày. 2 bên thiết lập một cơ chế để tiếp tục đàm phán các bất đồng thương mại. Đây là thông tin tích cực nhất kể từ khi Hoa Kỳ phát động chính sách thuế quan mới, cũng đặt ra thách thức không nhỏ trong việc giải quyết rào cản phi thuế quan và trợ cấp doanh nghiệp Trung Quốc để đạt thỏa thuận thương mại lâu dài.

Chỉ số sản xuất công nghiệp, doanh thu bán lẻ, tỷ lệ thất nghiệp, lãi suất 1 và 5 năm Trung Quốc; Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ NHTW Úc; Doanh thu bán lẻ, CPI Canada, Anh; PMI Anh, EU, Hoa Kỳ; Doanh thu bán nhà mới Hoa Kỳ là thông tin chú ý trong tuần tới.

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	16/05/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	3,203.6	-1.1%	-3.6%	-4.2%	34.8%
Bạc	USD/ozt	32.3	-1.1%	-1.3%	-1.4%	9.2%
Thép HRC	USD/T.	895.0	-0.6%	0.6%	-4.8%	13.9%
Nhôm	USD/MT	2,486.8	-0.1%	3.1%	5.2%	-2.8%
Niken	USD/MT	15,456.4	-1.0%	-1.2%	-0.6%	-21.4%
Quặng sắt	CNY/MT	799.0	-0.2%	5.5%	4.9%	-10.6%
Dầu Brent	USD/bbl.	65.4	1.4%	2.3%	-0.7%	-21.4%
Dầu WTI	USD/bbl.	62.5	1.4%	2.4%	0.0%	-21.1%
Xăng	USD/gal.	214.2	0.3%	1.6%	4.8%	-15.6%
Than đá	USD/MT	99.0	0.0%	0.1%	5.0%	-31.0%
Đậu tương	USD/bu.	1,050.0	-0.1%	0.6%	1.1%	-13.7%
Cao su	JPY/kg	319.9	-0.1%	4.0%	11.1%	0.7%
Đường	USD/MT	490.1	-0.6%	-2.0%	-1.4%	-8.6%

Nguồn: Bloomberg

TTCK VIỆT NAM

Thị trường mở rộng đã tăng điểm nhờ vận động của nhóm cổ phiếu ngân hàng

VN-Index tăng 2.7% và thanh khoản +28% so tuần trước. Dòng tiền chuyển dịch sang nhóm cổ phiếu Ngân hàng và khối ngoại quay lại mua ròng giúp cho chỉ số vượt qua ngưỡng tâm lý 1,300 điểm một cách nhanh chóng. Xu hướng vận động ngành cũng rõ ràng cho dù áp lực chốt lãi trong 2 phiên cuối tuần.

- Các cổ phiếu Ngân hàng chiếm 4/5 vị trí đóng góp nhiều điểm cho VN-Index, cả ngành góp khoảng 56% số điểm tăng trong tuần. Nhóm cổ phiếu họ VIC phân hóa sau tuần tăng giá mạnh, VIC góp 3.3 điểm tăng trong khi VHM làm giảm 4.1 điểm.

- Thị trường tăng điểm với độ rộng lớn với 16/18 ngành tăng điểm, Du lịch và giải trí tăng mạnh nhất trên 20%, trong khi Bảo hiểm, Y tế giảm nhẹ.

- Khối ngoại tiếp tục mua ròng 107 triệu USD so với giá trị mua ròng 49 triệu USD tuần trước.

Nghị quyết 124/NQ-CP tập trung 10 nhiệm vụ để hoàn thành cao nhất mục tiêu kinh tế - xã hội 2025. Các nhiệm vụ nổi bật là thúc đẩy kinh tăng trưởng gắn ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo cân đối lớn; tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp luật gắn với sắp xếp lại bộ máy, chính quyền địa phương 2 cấp; Tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công; Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ; Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; Cơ cấu nền kinh tế gắn mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, ứng dụng khoa học công nghệ và các nội dung khác. Mặc dù có những biến động phức tạp từ quốc tế, Chính phủ vẫn đang kiên định theo đuổi mục tiêu tăng trưởng cao và đẩy mạnh cải cách trong năm 2025.

Thị trường đang quay lại vùng đỉnh cũ nhờ sự luân chuyển của các nhóm cổ phiếu lớn. Xu hướng chưa rõ ràng trước áp lực chốt lãi gia tăng. NGT do vậy chủ động chốt lãi 1 phần trong phiên cổ phiếu tăng giá mạnh và linh hoạt trong ngắn hạn.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Về chu kỳ thanh toán trên TTCK và nâng hạng TTCK

Theo chia sẻ của Chủ tịch VSDC vào T08/2022: “Chu kỳ thanh toán giao dịch cổ phiếu T+2 hiện nay của Việt Nam (thời gian hoàn tất thanh toán: 11h30 ngày T+2) là phù hợp với thông lệ quốc tế và thời gian chúng ta rút ngắn từ T+3 xuống T+2 thậm chí còn sớm hơn một số TTCK lớn trong khu vực như Nhật Bản đến năm 2017, Thái Lan, Singapore đến năm 2018 mới rút ngắn xuống T+2” (Chi tiết về quá trình rút ngắn chu kỳ thanh toán trên TTCK Việt Nam tại Bảng 01).

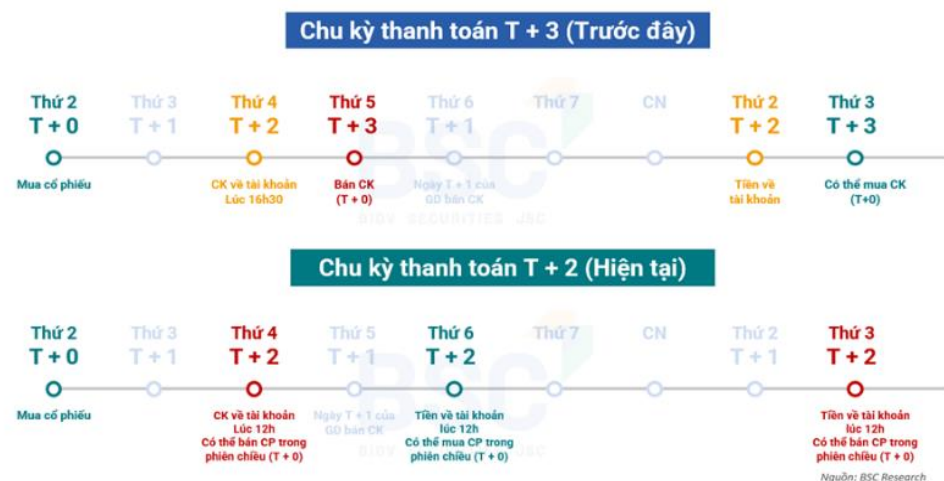
Đối với thông tin hiện nay trên thị trường về việc rút ngắn chu kỳ thanh toán “T+2.5 về T+2”: nếu thực hiện sẽ cần đẩy nhanh hoạt động thanh toán bù trừ giữa VSDC, CTCK, ngân hàng thanh toán để hạch toán trước 8h30 ngày T+2 hoặc tiến đến trước 16h30 ngày T+1. BSC Research đánh giá việc thực hiện sẽ cần thời gian để xây dựng phương thức phối hợp giữa các thành viên thị trường khi hệ thống KRX mới đi vào vận hành kể từ ngày 05/05/2025, hệ thống cần sự vận hành ổn định trước khi tiến đến việc tiếp tục rút ngắn chu kỳ thanh toán.

Bảng 01: Chi tiết về quá trình rút ngắn chu kỳ thanh toán trên TTCK Việt Nam

Nội dung	Trước 04/09/2012	Từ 04/09/2012 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2016 đến 28/08/2022	Từ 29/08/2022 - nay
Thời điểm thanh toán	15h30 ngày T+3	8h30 ngày T+3	16h30 ngày T+2	13h ngày T+2
Chiều mua				
Ngày chứng khoán về và thời điểm được bán thực tế	T+4	T+3	T+3	T+2
Chiều bán				
Ngày tiền về tài khoản và thời điểm được rút tiền hoặc mua thực tế	T+3	T+3	T+2	T+2

Nguồn: BSC Research tổng hợp

Bảng 02: So sánh Chu kỳ thanh toán T+3 và T+2



Nguồn: BSC Research tổng hợp

Về xu hướng rút ngắn chu kỳ thanh toán trên thế giới:

Vào T05/2024, TTCK Hoa Kỳ, Canada, Mexico cũng đã rút ngắn chu kỳ thanh toán từ T+2 xuống T+1 và một số các TTCK phát triển khác đã nghiên cứu để áp dụng theo xu hướng chung của thế giới (Bảng 03).

Việc áp dụng chu kỳ T+1 sẽ là xu hướng phổ biến trên thế giới, đối với việc hướng đến T+0 sẽ đối diện với rất nhiều thách thức khi triển khai. Theo nghiên cứu của Hiệp hội Thị trường tài chính và Công nghiệp chứng khoán (SIFMA) cho rằng việc áp dụng T+0 cho thấy rủi ro lớn hơn so với lợi ích đem lại, việc chuyển đổi từ T+2 sang T+1 cũng đối diện với nhiều thách thức khi tỷ lệ giao dịch thất bại dự kiến khi chuyển đổi cũng tương đối lớn (Bảng 04).

CHUYÊN MỤC TUẦN: Về chu kỳ thanh toán trên TTCK và nâng hạng TTCK

Bảng 03: Xu hướng rút ngắn chu kỳ thanh toán trên thế giới



Thái Lan

Singapore

Đài Loan

Hàn Quốc

Nhật Bản

Châu Âu

Hoa Kỳ

Ấn Độ

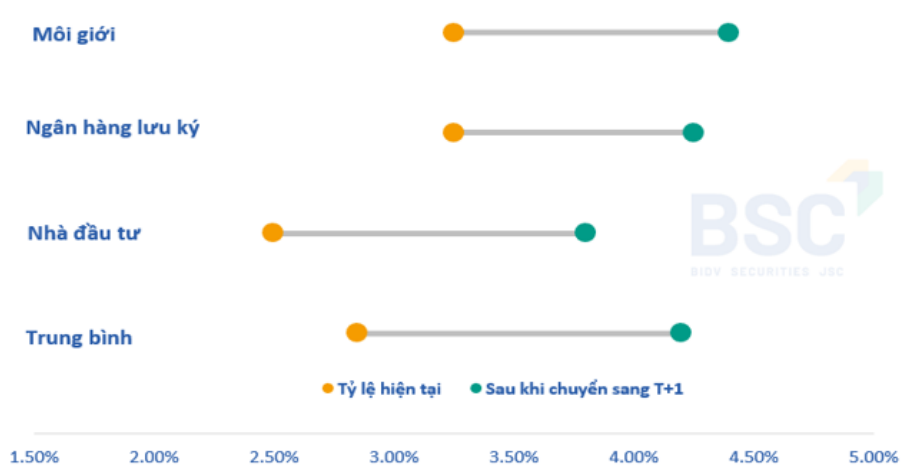
Trung Quốc*
(A-shares)

Hạng thị trường	Emerging	Developed Market					Emerging market	
Hiện tại	T+2		T+2		T+2	T+1	T+0	
Kế hoạch	Đang xem xét diễn biến tại các thị trường sắp chuyển sang T+1		Đang nghiên cứu chuyển sang T+1 trong 2025-2026		28/05/2024 triển khai T+1	Đang nghiên cứu để hướng đến T+0	Đang áp dụng: - "T+0" đối với cổ phiếu - "T+1" với tiền mặt	

*Các công ty có trụ sở tại Trung Quốc đại lục, giao dịch tại SGCK Thượng Hải (SSE) và Thẩm Quyển

Nguồn: BSC Research tổng hợp

Bảng 04: Tỷ lệ giao dịch thất bại nếu chuyển từ T+2 sang T+1



Nguồn: Reuters, BSC Research tổng hợp

Đối với khả năng nâng hạng TTCK Việt Nam: Cơ quan quản lý đã và đang hoàn thiện các quy định pháp lý để tạo điều kiện hơn cho NĐTNN khi tham gia thị trường, bước cuối cùng là trải nghiệm của NĐTNN về các giải pháp này để FTSE xem xét đưa ra thông báo đánh giá vào kỳ đánh giá T09/2025.

Theo nghiên cứu về các quốc gia trước đây đã nâng hạng: Saudi Arabia vào giai đoạn 2017-2018 cũng đã hạ chu kỳ thanh toán từ T+1 xuống T+2 để phù hợp với xu hướng của thế giới.

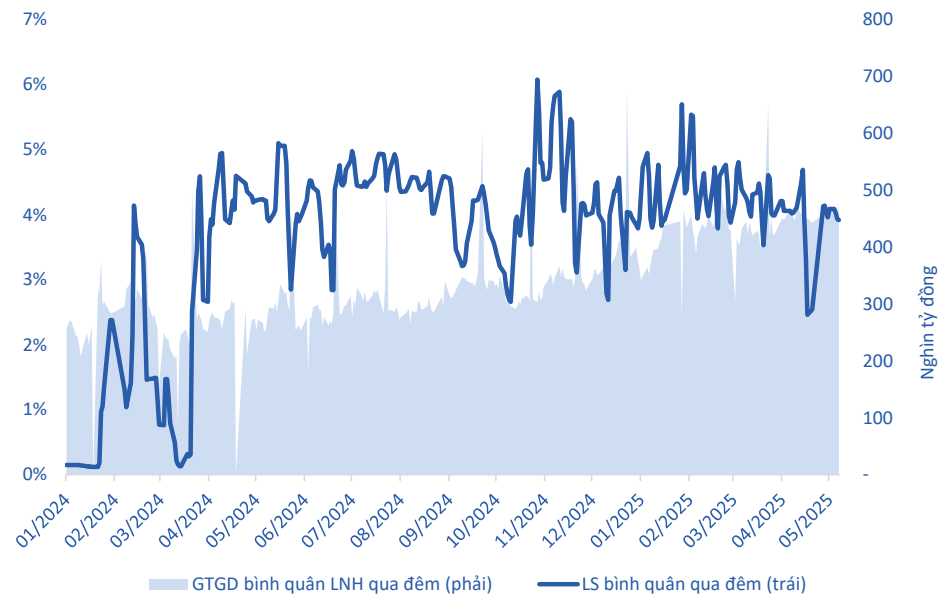
*** Tài liệu tham khảo:**

- **Phát biểu của chủ tịch VSDC vào 16/08/2022** khi rút ngắn chu kỳ thanh toán từ T+3 xuống T+2.
- **Quyết định số 36/QĐ-HĐTV ngày 29/04/2025** v/v quy chế thành viên lưu ký (thay thế cho các quyết định số 49/QĐ-HĐTV năm 2024, 19/QĐ-HĐTV năm 2023, 110/QĐ-VSD năm 2022).
- **Quyết định số 38/QĐ-HĐTV ngày 29/04/2025** v/v quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại VSDC (thay thế cho các quyết định số 09/QĐ-HĐTV năm 2023, 109/QĐ-VSDC năm 2021).
- **Quyết định số 39/QĐ-HĐTV ngày 29/04/2025** v/v quy chế hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại VSDC (thay thế cho các quyết định số 48/QĐ-HĐTV năm 2024, 15/QĐ-HĐTV năm 2023, 109/QĐ-VSD năm 2022).

(Ấn vào tiêu đề để lấy link báo cáo)

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch trên OMOs (đvt: tỷ đồng)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Outstanding
Tuần 11	76,252.2	70,842.7	(5,409.5)	80,849.3
Tuần 12	52,296.4	53,094.9	798.5	81,647.7
Tuần 13	49,964.1	64,201.7	14,237.6	95,885.3
Tuần 14	50,133.8	74,054.0	23,920.3	119,805.5
Tuần 15	72,035.4	63,678.8	(8,356.6)	111,449.0
Tuần 16	62,185.0	42,460.4	(19,724.6)	91,724.4
Tuần 17	26,269.9	5,919.7	(20,350.2)	71,374.2
Tuần 18	33,748.4	37,294.3	3,545.9	74,920.1
Tuần 19	47,890.7	18,397.3	(29,493.5)	45,426.6

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	3.99%	4.17%	4.25%	4.73%
So với tuần trước	-0.08%	-0.09%	-0.07%	-0.21%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	462,259.3	11,915.0	2,208.8	5,668.8
So với tuần trước	-0.55%	+5.06%	-58.88%	+71.75%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 15/05/2025

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 19, SBV đã phát hành 00.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 18,397.3 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã hút ròng -29,493.5 tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm giao dịch trong vùng 4 - 4.5%.

PTKT: VN-Index vượt qua ngưỡng tâm lý 1,300 điểm, áp lực điều chỉnh trong phiên cuối tuần

Đồ thị ngày: VN-Index bứt phá ngay phiên đầu tuần vượt qua SMA50, lấp gap giảm giá phiên 3/4. Thanh khoản cải thiện hỗ trợ đà tăng chỉ số vượt qua ngưỡng tâm lý 1,300 điểm để tiến về vùng tích lũy trước khi giảm mạnh do thuế quan. Chỉ số cũng bám sát dải bollinger band trên, xen kẽ những phiên tạo nến doji là những phiên chỉ hướng tăng điểm cho thấy động lực tăng giá vẫn đang chiếm ưu thế. Phiên điều chỉnh cuối tuần với thanh khoản thấp chưa làm thay đổi xu hướng hồi phục ngắn hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ mức 57 lên 62 điểm.
- MACD giữa trên đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản tăng 28% với mức bình quân phiên giao dịch tuần trước.
- VN-Index giữ trên SMA 20, 50, 100 và 200.

Kết luận: VN-Index đã quay lại vùng đỉnh ngắn hạn sau các phiên chỉ hướng và lấp gap giảm giá. Áp lực chốt lãi xuất hiện trong phiên cuối tuần, dù vậy chỉ số vẫn giữ trên ngưỡng tâm lý 1,300 điểm. Hoạt động chốt lãi gia tăng kéo theo hình thành vùng tích lũy hoặc chỉ số điều chỉnh ngắn hạn. Chỉ số chưa thể xác định đang nằm trong sóng c của nhịp hồi phục a-b-c hay bước sóng 3 của chu kỳ tăng giá mới. Thị trường dù sao vẫn đang chứng kiến đợt tăng giá tốt nhất từ đầu năm và cần thêm bằng chứng về một tăng giá mới theo bước sóng 3 mở rộng hoặc bước sóng 5 nếu nhịp điều chỉnh sắp tới đây không giảm dưới 1,270 điểm.



Nguồn: FireAnt

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top kéo tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm kéo
VIC	4.58	3.21
TCB	6.70	3.13
VPB	9.06	2.85
BID	4.27	2.48
CTG	4.14	2.00
VCB	1.59	1.80
FPT	4.31	1.76
MBB	4.89	1.68
LPB	5.80	1.43
ACB	5.38	1.39
Tổng		21.75

Top kéo giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm kéo
VHM	-6.75	-4.14
HVN	-1.73	-0.32
VRE	-2.00	-0.27
VPI	-5.77	-0.23
BSR	-1.39	-0.19
VSC	-6.93	-0.11
MSN	-0.48	-0.10
NVL	-1.22	-0.07
NAB	-1.16	-0.06
BWE	-2.11	-0.06
Tổng		-5.55

Khối ngoại mua ròng

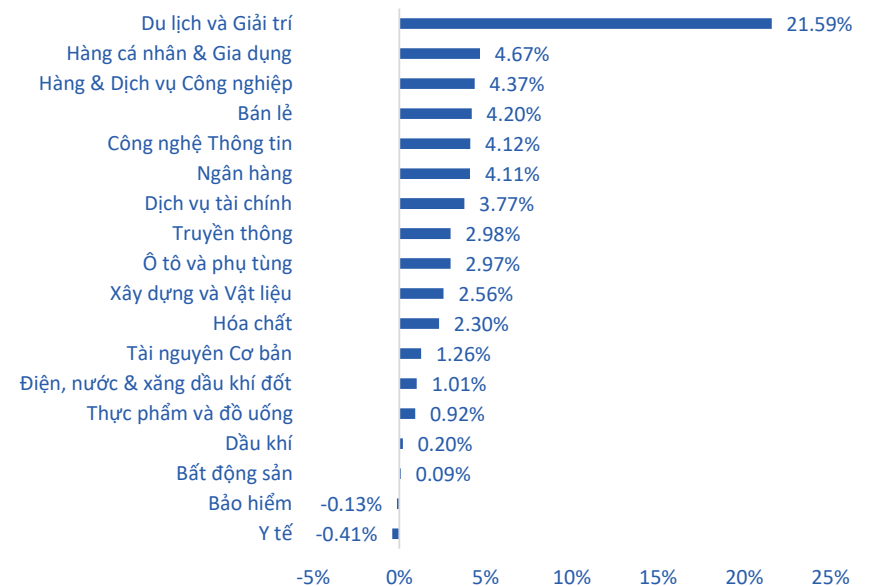
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
MBB	1,087.28
MWG	892.61
FPT	862.95
PNJ	502.00
VPB	415.83
CTG	371.78
SHB	335.13
NLG	294.75
HSG	217.85
BID	192.38
Tổng	5,172.55

Khối ngoại bán ròng

Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
VHM	-1079.99
VCB	-849.18
VRE	-383.59
MSN	-361.45
GEX	-251.90
STB	-249.61
VNM	-167.87
SSI	-105.37
HDB	-69.72
DGC	-52.71
Tổng	-3571.41

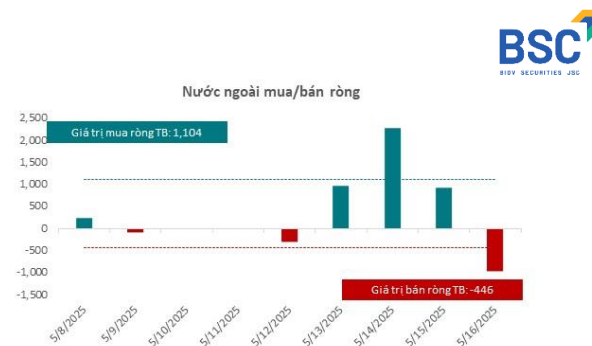
Vận động ngành

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Du lịch và Giải trí	1.28%	21.59%	33.16%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.23%	4.67%	12.54%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.22%	4.37%	19.88%
Bán lẻ	-1.02%	4.20%	13.34%
Công nghệ Thông tin	-3.13%	4.12%	12.15%



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NDT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
VCB	3,085,568	175.45	MBB	6,355,104	(155.35)	MBB	43,897,091	1,087.28	VHM	18,374,182	(1,079.99)	VHM	9,727,405	572.13	MBB	22,179,523	(547.31)
ACB	4,374,389	109.88	CII	7,193,660	(95.33)	MWG	14,074,897	892.61	VCB	14,873,535	(849.18)	VCB	6,382,671	366.03	FPT	4,068,761	(511.26)
VPB	4,991,399	102.06	EIB	3,310,300	(70.62)	FPT	7,079,768	862.95	VRE	15,966,881	(383.59)	VRE	13,988,436	340.52	MWG	6,399,775	(404.80)
BMP	332,622	48.81	TCB	1,481,001	(43.71)	PNJ	6,063,789	502.00	MSN	5,934,834	(361.45)	EIB	10,914,362	225.25	HSG	12,730,471	(201.97)
FPT	330,598	38.47	REE	506,200	(35.77)	VPB	22,693,605	415.83	GEX	8,602,461	(251.90)	VIC	2,694,300	211.89	HPG	6,636,469	(171.67)
E1VFN30	1,513,900	36.73	EVF	3,505,000	(34.49)	CTG	9,460,945	371.78	STB	6,280,760	(249.61)	TCH	10,404,441	185.47	CTG	4,319,457	(170.45)
STB	784,500	31.47	PLX	706,200	(25.28)	SHB	25,288,956	335.13	VNM	3,001,106	(167.87)	GEX	5,940,116	173.12	DXG	10,515,554	(165.95)
CTG	732,901	28.08	DGW	723,700	(24.90)	NLG	8,907,700	294.75	SSI	4,486,539	(105.37)	SBT	6,059,944	112.88	GMD	2,673,991	(148.19)
VCI	724,100	27.14	CMG	657,100	(22.74)	HSG	13,685,104	217.85	HDB	3,158,290	(69.72)	VPL	1,051,150	98.11	HHS	11,239,773	(146.20)
FUEVFN30	693,600	21.78	VSC	960,000	(21.64)	BID	5,158,703	192.38	DGC	576,149	(52.71)	VIX	7,295,986	94.45	NLG	4,353,431	(144.37)

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link
MWG	Bán lẻ	63.8	-0.8%	1.6	94,356	385	2,981	21.4		47.6%	
KBC	Bất động sản	25.9	1.0%	1.47	19,843	178	1629	15.9		16.4%	
KDH	Bất động sản	28.7	-2.2%	1.21	29,020	51	896	32.0		36.1%	
PDR	Bất động sản	16.5	-1.8%	1.61	14,969	144	180	91.5	23,600	11.4%	Link
VHM	Bất động sản	58.0	0.0%	1.06	238,230	428	7766	7.5	58,200	12.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	121.0	-3.2%	1.04	179,241	979	5617	21.5	163,000	41.6%	Link
BSR	Dầu khí	17.8	-1.4%	0.00	55,034	35	-37	-482.9		0.3%	
PVS	Dầu khí	27.5	-1.4%	1.25	13,144	77	2303	11.9	40,300	15.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.4	-0.6%	1.54	19,007	382	1394	18.9		40.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.7	-0.8%	1.33	46,496	726	1546	15.3		35.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.6	-0.9%	1.33	26,965	404	1602	23.4		30.5%	
DCM	Hóa chất	33.5	-0.9%	1.36	17,735	52	2805	11.9	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	91.9	-1.7%	1.50	34,902	155	8224	11.2	108,500	15.0%	Link
ACB	Ngân hàng	25.5	-0.4%	0.88	113,676	393	3708	6.9	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	36.6	-2.1%	1.00	256,982	229	3643	10.1	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	39.0	-1.9%	1.01	209,430	261	4806	8.1	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	22.0	-1.4%	0.98	76,717	206	3985	5.5		16.8%	
MBB	Ngân hàng	24.7	-1.6%	0.99	150,421	748	4049	6.1	28,200	23.0%	Link
MSB	Ngân hàng	11.8	-2.1%	1.12	30,550	207	2150	5.5	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	39.8	-2.2%	0.93	75,032	334	5767	6.9		20.7%	
TCB	Ngân hàng	29.5	-1.5%	1.17	208,060	690	3013	9.8	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.6	-1.1%	1.15	35,931	117	2383	5.7	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	57.5	-2.0%	0.61	480,451	668	4063	14.2		22.3%	
VIB	Ngân hàng	18.3	-2.4%	0.95	54,518	119	2400	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.1	-2.7%	0.97	143,207	1076	2030	8.9	24,000	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.8	-1.3%	1.15	165,023	486	1954	13.2	37,500	22.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.5	3.1%	1.44	10,215	275	749	22.0	16,800	6.9%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.5	-1.9%	1.64	9,538	185	3930	7.3	32,200	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	62.5	-0.5%	1.25	89,897	421	1518	41.2		25.1%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.2	-1.1%	0.54	117,455	181	4194	13.4		48.8%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
DGW	Bán lẻ	33.7	-2.0%	1.7	7,386	45.7	2,098	16.1	18.76%	15.71%	Link
FRT	Bán lẻ	171.8	-1.8%	1.2	23,406	35.8	3,279	52.4	32.53%	23.95%	
BVH	Bảo hiểm	48.3	-2.7%	1.2	35,817	14.3	2,975	16.2	26.95%	9.72%	
DIG	Bất động sản	15.8	-1.6%	1.5	9,605	170.2	321	49.0	3.51%	2.54%	
DXG	Bất động sản	16.6	1.5%	1.5	14,413	254.3	372	44.5	23.49%	2.48%	Link
HDC	Bất động sản	23.4	-1.9%	1.3	4,165	79.5	436	53.6	3.27%	3.43%	
HDG	Bất động sản	24.7	-0.6%	1.4	8,291	54.8	839	29.4	19.72%	4.59%	Link
IDC	Bất động sản	42.0	0.0%	1.4	13,860	120.6	4,982	8.4	16.91%	31.16%	
NLG	Bất động sản	34.0	0.6%	1.5	13,073	130.3	1,827	18.6	41.42%	7.43%	Link
SIP	Bất động sản	67.9	-1.7%	0.0	14,295	47.4	6,076	11.2	4.54%	29.72%	
SZC	Bất động sản	33.6	-0.4%	1.3	6,048	49.8	2,036	16.5	2.03%	11.78%	Link
TCH	Bất động sản	18.2	2.5%	1.5	12,128	249.9	1,279	14.2	9.53%	9.09%	Link
VIC	Bất động sản	80.0	0.3%	1.2	305,893	372.5	2,823	28.3	7.71%	8.02%	
VRE	Bất động sản	24.5	1.5%	1.0	55,672	323.7	1,844	13.3	19.64%	10.11%	
CMG	Công nghệ Thông tin	35.1	-3.2%	1.1	7,406	53.1	1,654	21.2	36.45%	12.45%	
PLX	Dầu khí	35.8	0.6%	0.9	45,424	51.9	1,535	23.3	17.37%	7.57%	Link
PVD	Dầu khí	18.7	-1.3%	1.1	10,395	65.8	1,246	15.0	7.61%	4.43%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.2	0.0%	1.7	12,182	153.3	1,650	21.9	27.87%	13.65%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.5	-1.1%	1.7	15,752	135.3	1,650	16.7	6.78%	12.93%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.8	-0.3%	0.9	144,777	18.4	4,543	13.6	1.72%	16.96%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.9	0.4%	1.0	30,210	144.9	606	21.3	3.79%	4.44%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.0	0.0%	1.0	33,442	62.8	4,511	15.7	49.00%	11.42%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	90.0	-1.1%	0.5	48,745	74.5	2,783	32.3	12.47%	9.01%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	29.4	3.7%	1.5	26,485	277.3	1,954	15.0	9.56%	12.76%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.9	-2.4%	1.0	22,648	129.2	3,797	14.2	39.89%	11.91%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.1	1.5%	1.2	8,586	38.4	5,594	11.8	12.16%	25.78%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.0	-0.2%	1.2	7,832	44.3	3,026	7.3	10.75%	14.22%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	120.1	4.7%	0.0	14,626	155.9	3,235	37.1	6.45%	24.93%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	81.0	-4.0%	1.1	27,370	117.3	6,105	13.3	48.82%	18.57%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.6	-1.9%	0.81	3,117	43.1	2869	10.7	49.82%	13.18%	

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.1	-2.3%	1.3	2,096	11.8	2,580	6.6	16.64%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	33.9	-1.2%	1.2	13,247	60.3	1,223	27.7	9.08%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	27.7	-1.4%	1.6	110,800	75.1	1,174	23.6	0.75%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	19.5	-2.0%	1.1	36,230	150.0	1,856	10.5	3.97%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	36.5	-1.5%	0.6	109,036	168.2	3,333	11.0	0.82%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.0	-2.6%	0.0	23,333	22.1	2,809	6.1	1.80%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.9	-1.4%	1.0	26,754	31.8	1,189	9.1	19.19%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.9	0.0%	1.5	5,751	157.2	1,122	11.5	5.47%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.1	2.7%	1.5	4,020	18.9	612	24.7	0.65%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.6	-0.9%	0.7	10,504	93.7	1,438	24.0	2.57%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.5	0.4%	1.2	64,769	38.8	3,217	15.7	59.21%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	52.8	-2.0%	1.3	11,851	76.7	5,601	9.4	22.94%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	146.8	-1.5%	1.1	12,017	71.3	13,288	11.1	85.74%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.0	-1.7%	1.6	8,094	132.1	3,238	25.0	48.43%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	98.0	2.1%	1.3	11,210	90.3	4,754	20.6	8.30%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	54.9	6.8%	1.4	3,459	162.9	3,738	14.7	8.11%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	-1.6%	1.5	5,780	82.3	1,100	11.1	8.21%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.5	0.9%	1.3	8,029	50.7	1,217	18.5	16.62%	8.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.9	-0.9%	1.4	13,079	290.5	988	22.1	6.49%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.1	0.2%	1.5	20,669	33.3	2,720	17.0	5.76%	14.6%	

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Vĩ mô – Thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSC ResearchV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký